

CÔNG TY TNHH

THUYẾT MINH ĐỀ ÁN



**THUÊ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
THỦY LỢI HỒ CHỨA NƯỚC**

Địa điểm:
tỉnh Đắk Lắk

CÔNG TY TNHH



ĐỀ ÁN

THUÊ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY
LỢI HỒ CHỨA NƯỚC

Địa điểm: tỉnh Đắk Lắk

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH

Giám đốc

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
CHƯƠNG I. MỞ ĐẦU	6
I. GIỚI THIỆU VỀ CHỦ ĐẦU TƯ	6
II. MÔ TẢ SƠ BỘ THÔNG TIN ĐỀ ÁN	6
III. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ	6
IV. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ	6
V. MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	7
CHƯƠNG II. ĐỊA ĐIỂM VÀ QUY MÔ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN	8
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN	8
1.1. Điều kiện tự nhiên vùng thực hiện dự án	8
1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội vùng thực hiện dự án	9
II. ĐÁNH GIÁ NHU CẦU THỊ TRƯỜNG	10
2.1. Chuỗi giá trị ngành thủy sản	10
2.2. Phát triển du lịch sinh thái bền vững	11
2.3. Tổng quan du lịch Việt Nam 2023	12
III. QUY MÔ CỦA ĐỀ ÁN	12
3.1. Các hạng mục xây dựng của Đề án	12
3.2. Bảng tính chi phí phân bổ cho các hạng mục đầu tư (ĐVT: 1000 đồng)	13
IV. ĐỊA ĐIỂM, HÌNH THỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	14
4.1. Địa điểm xây dựng	14
4.2. Hình thức đầu tư	14
V. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO	14
5.1. Nhu cầu sử dụng đất	14
5.2. Phân tích đánh giá các yếu tố đầu vào đáp ứng nhu cầu của Đề án	14

CHƯƠNG III. PHÂN TÍCH QUI MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ	15
I. PHÂN TÍCH QUI MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH.....	15
II. PHÂN TÍCH LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ	15
2.1. Kỹ thuật nạo vét lòng hồ.....	15
2.2. Kỹ thuật nuôi thủy sản.....	18
2.3. Dịch vụ nhà hàng ăn uống	21
2.4. Dịch vụ câu cá giải trí.....	22
2.5. Biểu diễn nhạc nước	24
CHƯƠNG IV. CÁC PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN	26
I. PHƯƠNG ÁN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, TÁI ĐỊNH CƯ VÀ HỖ TRỢ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG.....	26
1.1. Chuẩn bị mặt bằng.....	26
1.2. Phương án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật	26
II. PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH.....	26
2.1. Các phương án xây dựng công trình	26
2.2. Các phương án kiến trúc.....	26
III. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN	27
3.1. Phương án tổ chức thực hiện	27
3.2. Phân đoạn thực hiện và tiến độ thực hiện, hình thức quản lý	27
CHƯƠNG V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	29
I. GIỚI THIỆU CHUNG	29
II. CÁC QUY ĐỊNH VÀ CÁC HƯỚNG DẪN VỀ MÔI TRƯỜNG.....	29
III. SỰ PHÙ HỢP ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN.....	29
IV. NHẬN DẠNG, DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG	30
4.1. Giai đoạn thi công xây dựng công trình.....	30

4.2. Giai đoạn đưa Đề án vào khai thác sử dụng.....	31
V. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU MÔI TRƯỜNG	33
5.1. Giai đoạn xây dựng Đề án	33
5.2. Giai đoạn đưa Đề án vào khai thác sử dụng	36
VI. KẾT LUẬN.....	37
CHƯƠNG VI. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ – NGUỒN VỐN THỰC HIỆN VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN.....	38
I. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN.....	38
II. HIỆU QUẢ VỀ MẶT KINH TẾ VÀ XÃ HỘI CỦA ĐỀ ÁN.....	39
2.1. Nguồn vốn dự kiến đầu tư của Đề án.....	39
2.2. Dự kiến nguồn doanh thu và công suất thiết kế của Đề án:.....	39
2.3. Các chi phí đầu vào của Đề án:.....	40
2.4. Các thông số tài chính của dự án	40
KẾT LUẬN.....	42
I. KẾT LUẬN.	42
II. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ.....	42
PHỤ LỤC: CÁC BẢNG TÍNH HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH.....	43
Phụ lục 1: Tổng mức, cơ cấu nguồn vốn thực hiện Đề án.....	43
Phụ lục 2: Bảng tính khấu hao hàng năm.....	44
Phụ lục 3: Bảng tính doanh thu và dòng tiền hàng năm.	45
Phụ lục 4: Bảng Kế hoạch trả nợ hàng năm.....	46
Phụ lục 5: Bảng mức trả nợ hàng năm theo Đề án.....	47
Phụ lục 6: Bảng Phân tích khả năng hoàn vốn giản đơn.	48
Phụ lục 7: Bảng Phân tích khả năng hoàn vốn có chiết khấu.	49
Phụ lục 8: Bảng Tính toán phân tích hiện giá thuần (NPV).	50
Phụ lục 9: Bảng Phân tích theo tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR).	51

Đề án “Thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hồ chứa nước”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN 0918755356-0936260633

CHƯƠNG I. MỞ ĐẦU

I. GIỚI THIỆU VỀ CHỦ ĐẦU TƯ

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên

MÔ TẢ SƠ BỘ THÔNG TIN ĐỀ ÁN

Tên Đề án:

“Thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hồ chứa nước ”

Địa điểm thực hiện Đề án: **tỉnh Đắk Lắk.**

Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng: **160.000,0 m² (16,00 ha).**

Hình thức quản lý: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý điều hành và khai thác.

Tổng mức đầu tư của Đề án: **25.000.000.000 đồng.**

(Hai mươi lăm tỷ đồng)

Trong đó: Vốn tự có (100%) : 25.000.000.000 đồng.

II. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

Những năm qua, Đắk Lắk đã ban hành nhiều chính sách để thu hút đầu tư, phát triển các loại hình du lịch, đồng hành cùng các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tiến hành khảo sát, xây dựng phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, nông nghiệp, làng nghề, du lịch trải nghiệm cà-phê, tìm hiểu các di tích lịch sử, văn hóa, thắng cảnh...

trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá và hội nhập nền kinh tế của địa phương, của tỉnh Đắk Lắk.

III. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Văn bản hợp nhất 14/VBHN-VPQH năm 2014 hợp nhất Luật thuế thu nhập doanh nghiệp do văn phòng quốc hội ban hành;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Đề án “Thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hồ chứa nước”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN 0918755356-0936260633

– Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

IV. MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

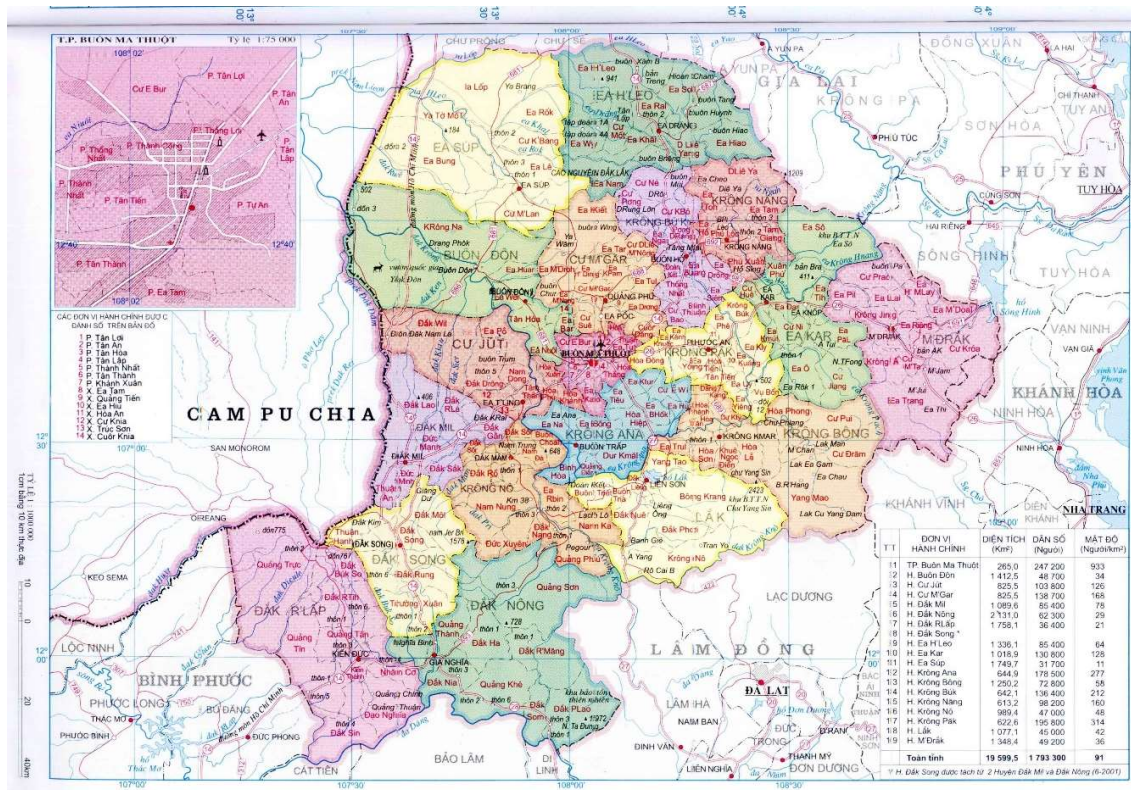
CHƯƠNG II. ĐỊA ĐIỂM VÀ QUY MÔ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1.1. Điều kiện tự nhiên vùng thực hiện dự án

Vị trí địa lý

Tỉnh Đắk Lắk với diện tích 13.125,4 km² nằm trên địa bàn Tây Nguyên, trong khoảng tọa độ địa lý từ 107°28'57"- 108°59'37" độ kinh Đông và từ 12°9'45" - 13°25'06" độ vĩ Bắc, phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai, phía Nam giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Đông giáp tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa, phía Tây giáp Vương quốc Cam Pu Chia và tỉnh Đắk Nông.



Bản đồ hành chính tỉnh Đắk Lắk

Đắk Lắk là tỉnh có đường biên giới dài 70 km chung với nước Campuchia, trên đó có quốc lộ 14C chạy dọc theo biên giới hai nước rất thuận lợi cho việc phát triển kinh tế vùng biên kết hợp với bảo vệ an ninh quốc phòng.

Địa hình

Địa hình vùng bằng trũng Krông Păk - Lăk nằm ở phía Đông - Nam của tỉnh, giữa cao nguyên Buôn Ma Thuột và dãy núi cao Chư Yang Sin, độ cao trung bình 400 - 500 m.

Khí hậu

Khí hậu toàn tỉnh được chia thành hai tiểu vùng khí hậu. Vùng phía Tây Bắc có khí hậu nắng nóng, khô hanh về mùa khô; Vùng phía Đông có khí hậu mát mẻ, ôn hòa. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 24°C, tháng nóng nhất và lạnh nhất chênh lệch nhau chỉ hơn 5°C.

Nhìn chung đặc điểm khí hậu vừa bị chi phối của khí hậu nhiệt đới gió mùa, vừa mang tính chất khí hậu cao nguyên với nhiệt độ ôn hoà gần như quanh năm, đã tạo ra các vùng sinh thái nông nghiệp thích hợp với nhiều loại cây trồng, nhất là các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như cà phê, tiêu, cao su, điều, bông vải...

Tài nguyên đất

Chất lượng của một số loại đất như nhóm đất đỏ, phần lớn nằm trên địa hình tương đối bằng phẳng rất phù hợp cho phát triển cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su, v.v... cho năng suất cao và chất lượng tốt. Ngoài ra còn có nhiều loại đất khác như đất xám, đất nâu, đất nâu thẫm, thích nghi với nhiều loại cây trồng khác nhau như cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả và một số cây lâu năm khác...

1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội vùng thực hiện dự án

Kinh tế

Theo cục thống kê tỉnh Đắk Lắk, năm 2023 tăng trưởng và quy mô nền kinh tế cơ bản ổn định. Tổng sản phẩm trên địa bàn (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 60.792,3 tỷ đồng, tăng 4,39% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực dịch vụ chính là điểm sáng nhất với tốc độ tăng trưởng 4,41%, đóng góp lớn nhất 1,90 điểm phần trăm; tiếp theo là khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 1,79 điểm phần trăm. Ngành nông nghiệp tiếp tục là trụ đỡ của nền kinh tế, diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng đều tăng so với cùng kỳ, đặc biệt là giá trị và sản lượng của trái sầu riêng.

Trong năm 2023, toàn tỉnh ước có 1.390 doanh nghiệp thành lập mới, giảm 1,42% so với năm 2022, tổng vốn điều lệ đăng ký trên 10.560 tỷ đồng, giảm

35,45% so với năm 2022; có 386 doanh nghiệp tạm dừng kinh doanh đã quay trở lại hoạt động. Mặc dù Chính phủ và địa phương đã triển khai nhiều giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, tuy nhiên số lượng doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng kinh doanh tiếp tục tăng, ước có 959 doanh nghiệp giải thể, tạm ngừng hoạt động, tăng 10,10% so với năm 2022.

Dân cư

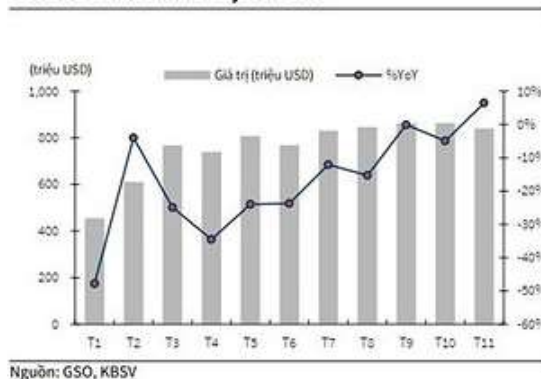
Tính đến ngày 1 tháng 4 năm 2019, dân số toàn tỉnh Đắk Lắk đạt 1.869.322 người, mật độ dân số đạt 135 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 462.013 người, chiếm 24,7% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.407.309 người, chiếm 75,3% dân số. Dân số nam đạt 942.578 người, trong khi đó nữ đạt 926.744 người. Tỷ lệ tăng tự nhiên dân số phân theo địa phương tăng 0,75 %. Đây cũng là tỉnh đông dân nhất vùng Tây Nguyên với hơn 1,8 triệu dân. Tỷ lệ đô thị hóa tính đến năm 2023 đạt 25,76%.

II. ĐÁNH GIÁ NHU CẦU THỊ TRƯỜNG

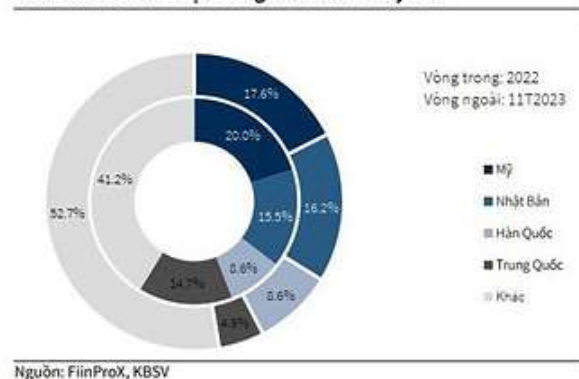
2.1. Chuỗi giá trị ngành thủy sản

Biến động thị trường và các nhân tố địa chính trị, kinh tế giữa các nước lớn năm 2022-2023 đã tạo ra nhiều hệ lụy trong quá trình phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19. Tạo sức ép lên giá xăng dầu, cước vận tải và việc tăng lãi suất ở mức 5,25%-5,5% của FED đã kéo theo việc tăng giá nguyên vật liệu đầu vào của nước ta.

Biểu đồ 1. Xuất khẩu thủy sản 2023



Biểu đồ 2. Cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy sản



Việt Nam cũng chiếm thị phần lớn tại các quốc gia này:

Đầu năm 2022, tác động từ biến động tỷ giá đồng Euro và Yên Nhật và tình hình lạm phát cao khiến người dân Châu Âu và Mỹ giảm tiêu dùng, nhiều nhà máy phải chịu áp lực giảm giá XK để tăng tính cạnh tranh nhưng phải tăng giá thu mua do nguồn cung thiếu. Những cơn mưa trái mùa kéo dài, lượng mưa lớn đã làm độ mặn trên hệ thống kênh cấp tại các vùng nuôi giảm nhanh chóng. Từ đây, một số dịch bệnh nguy hiểm trên tôm, như: thân đỏ đốm trắng, vi bào tử trùng (EHP), phân trắng, EMS cũng bắt đầu bùng phát, gây hại tôm nuôi.

Năm 2023, giá trị kim ngạch xuất khẩu ước tính khoảng 9,2 tỷ USD, đạt 92% kế hoạch. Giá trị xuất khẩu thủy sản tập trung vào: tôm khoảng 3,45 tỷ USD; cá tra 1,9 tỷ USD, nhuyễn thể 0,8 tỷ USD; cá ngừ 0,9 tỷ USD, ghi nhận sụt giảm svck. Nguyên nhân lớn nhất kéo xuất khẩu thủy sản năm qua tụt xuống là giá nhập khẩu tại các thị trường đều giảm sâu; ngoài ra còn bởi các tác động của lạm phát, nhu cầu giảm và dư thừa cung tại các thị trường chính. Sự sụt giảm xuất khẩu ở các thị trường chính, đặc biệt là Mỹ. Đơn cử, giá xuất khẩu trung bình cá tra và tôm chân trắng xuất khẩu sang Mỹ tới cuối năm 2023 giảm xuống, trong đó giá tôm (-31%) từ mức đỉnh 14,7 USD/kg tháng 8/2022 xuống còn 9,7 USD/kg vào tháng 12/2023; Giá xuất khẩu cá tra giảm sâu hơn (-47%) từ mức đỉnh 5,26 USD/kg xuống 2,8 USD/kg. Giá trị xuất khẩu thủy sản qua Mỹ giảm 37,2%.

• Ngoài ra, các thị trường nhỏ hơn như Mexico, Brazil, Thái Lan đều có mức tăng trưởng đáng ấn tượng từ 35% đến trên 50%.

2.2. Phát triển du lịch sinh thái bền vững

du lịch bền vững trong tương lai. Đây là dấu hiệu lạc quan cho thấy khách du lịch sẽ cân nhắc hơn khi đưa ra quyết định về chuyến du lịch trong tương lai, đồng thời ý thức rằng mọi hành động bền vững mà họ thực hiện sẽ giúp điều chỉnh tác động của họ đối với môi trường.

Theo cuộc khảo sát của Booking.com thực hiện với 29.349 người tham gia từ 30 thị trường du lịch cho kết quả 81% khách du lịch toàn cầu mong muốn được nghỉ ở địa điểm lưu trú sinh thái và bền vững với môi trường ít nhất một lần. Trong đó, hầu hết 1.005 (gần 100%) du khách Việt Nam từ 18 tuổi trở lên tham gia khảo sát đều bày tỏ mong muốn được tới các điểm lưu trú sinh thái bền vững với môi trường. Con số này tại Thái Lan là 98%, Singapore là 90% và Hàn Quốc

là 81%.

2.3. Tổng quan du lịch Việt Nam 2023

Theo Tổng cục Thống kê, khách quốc tế đến Việt Nam tháng 12/2023 đạt gần 1,4 triệu lượt người, tăng 11,2% so với tháng trước và tăng 93,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung cả năm 2023, khách quốc tế đến nước ta đạt 12,6 triệu lượt người, gấp gấp 3,4 lần năm 2022, vượt xa mục tiêu 8 triệu khách. Tuy vậy, Tổng cục Thống kê đánh giá, số lượng này mới chỉ bằng 70% năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch Covid-19.

người, gấp 2 lần năm trước.

III. QUY MÔ CỦA ĐỀ ÁN

3.1. Các hạng mục xây dựng của Đề án

Diện tích đất của Đề án gồm các hạng mục như sau:

Bảng tổng hợp danh mục các công trình xây dựng và thiết bị

Đề án “Thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hồ chứa nước”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN 0918755356-0936260633

3.2. Bảng tính chi phí phân bổ cho các hạng mục đầu tư (ĐVT: 1000 đồng)

Ghi chú: Dự toán sơ bộ tổng mức đầu tư được tính toán theo giá thị trường, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Phụ lục VIII về định mức chi phí quản lý Đề án và tư vấn đầu tư xây dựng của thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 08 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng.

IV. ĐỊA ĐIỂM, HÌNH THỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

4.1. Địa điểm xây dựng

Đề án “Thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hồ chứa nước” được thực hiện tại tỉnh Đắk Lắk.

Vị trí thực hiện đề án trên google map

Vị trí thực hiện đề án theo bản

Vị trí thực hiện dự án

Vị trí ranh giới thực hiện đề án

4.2. Hình thức đầu tư

Đề án được đầu tư theo hình thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi để quản lý, sử dụng và khai thác.

V. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO

5.1. Nhu cầu sử dụng đất

Bảng cơ cấu nhu cầu sử dụng đất

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Mặt nước	160.000,0	16,00	100,00%
Tổng cộng		160.000,0	16,00	100,00%

5.2. Phân tích đánh giá các yếu tố đầu vào đáp ứng nhu cầu của Đề án

Các yếu tố đầu vào như nguyên vật liệu, vật tư xây dựng đều có bán tại địa phương và trong nước nên các yếu tố đầu vào phục vụ cho quá trình thực hiện là tương đối thuận lợi và đáp ứng kịp thời.

Đối với nguồn lao động phục vụ quá trình hoạt động sau này, dự kiến sử dụng nguồn lao động của gia đình và tại địa phương. Nên cơ bản thuận lợi cho quá trình thực hiện.

CHƯƠNG III. PHÂN TÍCH QUI MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

I. PHÂN TÍCH QUI MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Bảng tổng hợp quy mô diện tích xây dựng công trình

II. PHÂN TÍCH LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ

2.1. Kỹ thuật nạo vét lòng hồ

Công tác chuẩn bị



Lựa chọn thiết bị nạo vét

Thi công nạo vét được thực hiện kết hợp đồng thời theo hai phương án với mỗi loại thiết bị nạo vét chuyên dụng sẽ trình bày dưới đây:

- Máy đào

Lựa chọn thiết bị vận chuyển sản phẩm nạo vét



- Lựa chọn ô tô tự đổ có tải trọng phù hợp với điều kiện địa hình, giao thông tại khu vực nạo vét để vận chuyển từ các bãi chứa tạm để vận chuyển đất, bùn tận thu phục vụ cho các công trình trong khu vực nội bộ và các công trình lân cận. Hoặc dùng xe ô tô tải chuyên dụng phù hợp để vận chuyển đất bùn nạo vét đi đổ bỏ hoặc chôn lấp.

Công nghệ nạo vét

Trong phương án này chúng tôi đã lựa chọn công nghệ Nạo vét và thu hồi vật liệu hồ bằng máy đào là thiết bị phù hợp và khả thi nhất để nạo vét.

Về trình tự thi công

Về biện pháp thi công

Đề án “Thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hồ chứa nước”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN 0918755356-0936260633



Xử lý các vật liệu nạo vét:

UBND tỉnh. Trước khi triển khai thi công, nhà thầu phải làm việc với cơ quan quản lý xin giấy phép đổ đất theo quy định hiện hành.

2.2. Kỹ thuật nuôi thủy sản

2.2.1. Chọn và thả cá giống

Các loại cá nuôi: Cá trắm, trôi, mè, chép, rô phi...



Danh sách các loài cá có thể nuôi ghép và tỉ lệ áp dụng thực tế công thức nuôi ghép như sau:

Nên lựa chọn vụ xuân hè để thả cá giống.

2.2.2. Thức ăn nuôi cá



Lượng thức ăn và khẩu phần ăn cho cá theo từng giai đoạn như sau:

Khối lượng trung bình (g/con)	Hàm lượng chất đạm/béo (%)	Đường kính viên thức ăn (mm)	Khẩu phần ăn (% trọng lượng cá/ngày)
50 - 200	42/7	3	6 - 7
200 - 600	35/7	4	5 - 6
700 - 1000	35/7	5	4 - 5
1000 - 2000	35/7	6	3 - 4
>2000	35/7	6	2 - 3

Bảo quản thức ăn ở nơi khô ráo thoáng mát tránh ẩm mốc. Nếu thức ăn bị mốc không cho cá ăn. Cho ăn ít một để tránh làm lãng phí thức ăn và hạn chế phải thu gom thức ăn thừa.

2.2.3. Quản lý môi trường ao nuôi cá

2.2.4. Thu hoạch cá



2.3. Dịch vụ nhà hàng ăn uống





2.4. Dịch vụ câu cá giải trí



Đề án “Thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hồ chứa nước”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN 0918755356-0936260633



2.5. Biểu diễn nhạc nước



Đề án “Thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hồ chứa nước”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN 0918755356-0936260633



CHƯƠNG IV. CÁC PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. PHƯƠNG ÁN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, TÁI ĐỊNH CƯ VÀ HỖ TRỢ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG

1.1. Chuẩn bị mặt bằng

Chủ đầu tư sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan để thực hiện đầy đủ các thủ tục về việc Thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định hiện hành. Ngoài ra, Đề án cam kết thực hiện đúng theo tinh thần chỉ đạo của các cơ quan ban ngành và luật định.

1.2. Phương án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Đề án chỉ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng liên quan đến Đề án như đường giao thông đối ngoại và hệ thống giao thông nội bộ trong khu vực.

II. PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

2.1. Các phương án xây dựng công trình

Các danh mục xây dựng công trình phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định về thiết kế xây dựng. Chi tiết được thể hiện trong giai đoạn thiết kế cơ sở xin phép xây dựng.

2.2. Các phương án kiến trúc

Căn cứ vào nhiệm vụ các hạng mục xây dựng và yêu cầu thực tế để thiết kế kiến trúc đối với các hạng mục xây dựng. Chi tiết sẽ được thể hiện trong giai đoạn lập Đề án khả thi và Bản vẽ thiết kế cơ sở của Đề án. Cụ thể các nội dung như:

1. Phương án tổ chức tổng mặt bằng.
2. Phương án kiến trúc đối với các hạng mục xây dựng.
3. Thiết kế các hạng mục hạ tầng.

Trên cơ sở hiện trạng khu vực Đề án, thiết kế hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Đề án với các thông số như sau:

✓ Hệ thống giao thông

Xác định cấp đường, cấp tải trọng, điểm đầu nối để vạch tuyến và phương